

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 108/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 3 như sau:

“7. Lập công là trường hợp học sinh, trại viên phát hiện, cung cấp nguồn tin giúp trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc ngăn chặn, phòng, chống âm mưu, hành vi gây mất trật tự, an ninh, an toàn, chống phá trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc; giúp cơ quan có thẩm quyền phát hiện, truy bắt, điều tra, xử lý tội phạm; dũng cảm cứu người đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng hoặc cứu được tài sản có giá trị 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) trở lên; có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lao động. Những trường hợp lập công trên phải được cấp có thẩm quyền xác nhận.”

Điều 2. Sửa đổi Điều 13 như sau:

“Điều 13. Hồ sơ, thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, Trưởng Công an cấp xã chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản của Trưởng Công an cấp xã đề nghị Tòa án nhân dân khu vực xem xét áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng;

b) Đối với đối tượng quy định tại Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

c) Đối với đối tượng do cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý vụ vi phạm pháp luật thì hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Việc giao, nhận hồ sơ phải được lập biên bản. Hồ sơ phải được đánh búp lục theo quy định.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 5 Điều 15 như sau:

“đ) Một trong các văn bản sau: Văn bản xác nhận hoặc bản sao bệnh án của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản trở lên về tình trạng bệnh hiểm nghèo; văn bản xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản trở lên về tình trạng đang mang thai; văn bản xác nhận của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân từ cấp xã trở lên, cơ quan có thẩm quyền phát hiện, truy bắt, điều tra xử lý tội phạm về việc lập công; văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền công nhận có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lao động.”

Điều 4. Sửa đổi Điều 17 như sau:

“Điều 17. Chế độ ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt của học sinh

1. Học sinh được Nhà nước đảm bảo, tiêu chuẩn ăn định lượng mỗi tháng gồm:

a) 20 kg gạo tẻ;

b) 1,5 kg thịt lợn;

c) 1,5 kg cá;

d) 08 quả trứng gà hoặc trứng vịt;

đ) 0,5 kg đường;

e) 0,75 lít nước mắm;

g) 0,1 kg bột ngọt;

h) 0,5 kg muối;

i) 17 kg rau xanh, củ, quả;

k) 0,2 lít dầu ăn;

l) Gia vị khác tương đương 0,5 kg gạo tẻ;

m) Chất đốt tương đương 17 kg củi hoặc 15 kg than.

Lương thực, thực phẩm, chất đốt bảo đảm chất lượng và có mức giá trung bình theo thời giá tại địa phương.

Chế độ ăn trong các ngày lễ, tết của học sinh được tăng thêm nhưng không được quá 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

2. Ngoài tiêu chuẩn ăn được quy định tại khoản 1 Điều này, học sinh được sử dụng tiền của mình để ăn thêm và phải thông qua hệ thống lưu ký và căng tin phục vụ sinh hoạt cho học sinh của trường giáo dưỡng.

3. Hiệu trưởng trường giáo dưỡng có thể hoán đổi định lượng ăn nêu trên cho phù hợp với thực tế để đảm bảo học sinh ăn hết tiêu chuẩn ăn. Hiệu trưởng trường giáo dưỡng quyết định chế độ ăn đối với học sinh ốm đau, bệnh tật, thương tích trên cơ sở đề xuất của y sĩ hoặc bác sĩ trường giáo dưỡng hoặc theo chỉ định của bác sĩ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng tổng định lượng mức ăn không quá 05 lần tiêu chuẩn.

4. Mỗi phân hiệu của trường giáo dưỡng được tổ chức ít nhất một bếp ăn tập thể. Định mức dụng cụ cấp dưỡng của một bếp tập thể dùng cho 100 học sinh gồm: 01 tủ đựng thức ăn có lưới hoặc kính che kín, 03 chảo to, 01 chảo nhỏ, 01 nồi to dùng trong 03 năm; các loại dao, thớt, chậu rửa bát, rổ, rá, bát, đĩa dùng trong 01 năm và các dụng cụ, trang thiết bị cấp dưỡng cần thiết khác phục vụ việc nấu ăn và chia khẩu phần ăn cho học sinh.

Dụng cụ cấp dưỡng dùng cho 01 mâm ăn của 06 học sinh bao gồm 01 lồng bàn, 01 xoong đựng cơm, 01 xoong đựng canh dùng trong 02 năm; 02 đĩa đựng thức ăn, 01 bát đựng nước chấm, 01 muôi múc cơm, 01 muôi múc canh dùng trong 01 năm.

Dụng cụ cấp dưỡng dùng cho 01 học sinh ăn riêng theo suất gồm 01 cặp lồng có 04 ngăn hoặc khay có 05 ngăn bằng nhựa chuyên dùng đựng đồ ăn cơm và 01 thìa ăn cơm bằng nhựa dùng trong 02 năm.

5. Học sinh được sử dụng điện, nước đảm bảo yêu cầu sinh hoạt hằng ngày.

6. Chế độ mặc, đồ dùng sinh hoạt của học sinh trong năm được cấp như sau:

- a) 02 bộ quần áo dài;
- b) 01 bộ quần áo dài đồng phục;
- c) 02 bộ quần áo lót;
- d) 02 đôi dép nhựa;
- d) 01 áo mưa nilông;
- e) 01 mũ cứng;
- g) 01 mũ vải;
- h) 03 khăn mặt;
- i) 03 bàn chải đánh răng;
- k) 02 chiếu cá nhân;
- l) 800 g kem đánh răng;
- m) 3,6 kg xà phòng;
- n) 800 ml dầu gội đầu.

Học sinh vào trường giáo dưỡng được cấp 01 màn, 01 chăn sợi, 01 gối vải cotton lõi bông. Đối với các trường giáo dưỡng từ thành phố Đà Nẵng trở ra phía Bắc, mỗi học sinh được cấp 01 áo ấm, 02 đôi tất, 01 mũ len và 01 chăn bông có vỏ nặng không quá 02 kg dùng trong 02 năm. Đối với học sinh phải chấp hành từ 12 tháng trở lên thì được cấp 02 lần (trừ chăn bông).

7. Học sinh được mang vào trường giáo dưỡng những đồ dùng cá nhân thiết yếu để sử dụng theo quy định của Bộ Công an. Học sinh nữ được cấp đồ dùng cần thiết cho vệ sinh cá nhân không quá 05 kg gạo tẻ/học sinh/tháng.

8. Học sinh tham gia lao động, học nghề đối với những công việc mà pháp luật quy định phải có bảo hộ lao động thì mỗi năm phát thêm 02 bộ quần áo, đồ bảo hộ lao động, học nghề cho học sinh.

9. Bộ trưởng Bộ Công an quy định mẫu quần áo đồng phục, đồ bảo hộ lao động, học nghề của học sinh.”

Điều 5. Sửa đổi khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Chế độ chăm sóc y tế đối với học sinh

a) Học sinh khi đến trường giáo dưỡng được y tế của trường giáo dưỡng tổ chức khám sức khỏe theo đúng quy định. Trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh được khám sức khỏe định kỳ 06 tháng một lần, cụ thể: Đo chiều cao, cân nặng, vòng ngực trung bình, kiểm tra các thông số về nhịp tim, huyết áp, nhiệt độ cơ thể, khám lâm sàng toàn diện theo các chuyên khoa, khám cận lâm sàng theo chỉ định của bác sĩ. Chi phí khám sức khỏe định kỳ cho học sinh được thanh toán theo khung giá quy định của Bộ Y tế. Kết quả khám sức khỏe định kỳ của học sinh được lưu vào hồ sơ để quản lý. Tiền thuốc chữa bệnh thông thường, vật tư y tế cho học sinh được cấp tương đương 07 kg gạo tẻ/01 học sinh/01 tháng.

b) Trường hợp học sinh khi bị bệnh hoặc thương tích được điều trị tại bệnh xá trường giáo dưỡng, nếu vượt quá khả năng điều trị được chuyển đến cơ sở y tế phù hợp để điều trị và thông báo cho cha, mẹ hoặc người giám hộ của học sinh biết, phối hợp với nhà trường chăm sóc, điều trị. Trường hợp tiếp tục vượt quá khả năng điều trị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng xem xét, quyết định việc điều trị tiếp theo, đồng thời báo cáo Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Bộ Công an.

c) Đối với học sinh có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về tâm thần của Nhà nước nơi đơn vị đóng quân tổ chức khám và điều trị theo quy định của pháp luật.

Đối với học sinh có tiền sử nghiện ma túy, căn cứ điều kiện, khả năng trường giáo dưỡng tổ chức khám bệnh, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng; trường hợp học sinh có đủ tiêu chuẩn chẩn đoán nghiện ma túy thì phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức cai nghiện theo quy định.

d) Trường giáo dục thường xuyên có biện pháp phòng, chống dịch bệnh, thực hiện các biện pháp phòng, chống lây nhiễm, điều trị HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm khác cho học sinh.

đ) Kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho học sinh do Nhà nước chi trả, trừ trường hợp người thân thích hoặc người đại diện hợp pháp của học sinh tự nguyện chi trả kinh phí điều trị bệnh. Học sinh đang có bảo hiểm y tế tiếp tục được hưởng bảo hiểm y tế, phần kinh phí phải trả thêm ngoài bảo hiểm do Nhà nước cấp. Trường hợp có cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ khả năng điều trị mà tự nguyện khám bệnh, chữa bệnh miễn phí cho học sinh thì Hiệu trưởng trường giáo dục xem xét quyết định.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Chế độ thăm gặp người thân thích, liên lạc, nhận tiền, quà của học sinh

1. Chế độ thăm gặp người thân thích

a) Học sinh được thăm gặp người thân thích tại nhà thăm gặp của trường giáo dục, thời gian mỗi lần không quá 04 giờ theo thời gian làm việc của nhà trường, trường hợp ngoài giờ do Hiệu trưởng trường giáo dục quyết định.

Thời gian thăm gặp vào tất cả các ngày trong tuần, ngày nghỉ, ngày lễ, tết. Trường hợp học sinh chấp hành tốt nội quy trường giáo dục, tích cực rèn luyện, học tập, học nghề và lao động hoặc để phục vụ công tác giáo dục thì Hiệu trưởng trường giáo dục quyết định cho kéo dài thời gian thăm gặp nhưng không quá 24 giờ trong một lần tại phòng gặp thêm giờ;

b) Trường giáo dục cấp Sổ thăm gặp theo mẫu thống nhất có danh sách của người thân thích học sinh. Hiệu trưởng trường giáo dục ký tên, đóng dấu vào Sổ thăm gặp. Sổ thăm gặp phải được xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập lần đầu tiên hoặc khi có sự thay đổi về người thân thích.

Người thân thích đến thăm gặp phải là người có tên trong Sổ thăm gặp và xuất trình Căn cước hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc sử dụng ứng dụng VNeID để làm thủ tục. Trường hợp người thân thích đến thăm gặp học sinh không có các giấy tờ nêu trên thì phải có đơn đề nghị có dán ảnh đóng dấu giáp lai được Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập xác nhận.

Người thân thích đến thăm gặp học sinh phải chấp hành đúng quy định của pháp luật, nội quy nhà thăm gặp và theo sự hướng dẫn của cán bộ trường giáo dục.

2. Chế độ liên lạc

a) Học sinh được gửi thư và nhận thư qua đường bưu chính; thư được kiểm duyệt trước khi nhận, gửi; học sinh không được gửi, nhận thư nếu nội dung không phù hợp, không đúng với thuần phong mỹ tục, không mang tính chất giáo dục;

b) Học sinh được liên lạc với người thân thích bằng điện thoại hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử với người thân thích mỗi tháng 04 lần, mỗi lần không quá 15 phút. Trường hợp học sinh có nhu cầu trao đổi với người thân thích để giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của học sinh hoặc vì công tác giáo dục thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng cho tăng thêm số lần, thời gian liên lạc với người thân thích nhưng không quá 02 lần trong 01 tháng và thời gian liên lạc mỗi lần không quá 30 phút. Trước khi liên lạc với người thân thích học sinh phải đăng ký theo quy định của trường giáo dưỡng; trường hợp cán bộ trường giáo dưỡng phát hiện nội dung liên lạc không đúng với nội dung đã đăng ký sẽ bị chấm dứt liên lạc;

c) Học sinh vi phạm Nội quy trường giáo dưỡng đang bị giáo dục tại phòng riêng hoặc học sinh đang trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì không được liên lạc điện thoại hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử với người thân thích.

3. Chế độ nhận tiền, quà

a) Học sinh được nhận tiền mặt (Việt Nam đồng) do người thân thích đến thăm gặp gửi thì cán bộ làm nhiệm vụ tổ chức thăm gặp tiếp nhận, chuyển vào Sổ lưu ký học sinh; đối với tiền gửi qua bưu điện thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng có trách nhiệm cử cán bộ đến bưu điện nhận tiền và làm thủ tục lưu ký theo quy định, vào sổ theo dõi, quản lý, đồng thời thông báo cho học sinh được nhận tiền biết.

Số tiền lưu ký của học sinh được sử dụng mua lương thực, thực phẩm, hàng hóa và các đồ dùng thiết yếu khác tại căng tin trường giáo dưỡng; thanh toán tiền gửi thư, liên lạc điện thoại; gửi về cho người thân thích hoặc nhận lại (nếu còn) khi chấp hành xong quyết định;

b) Học sinh được nhận quà khi thăm gặp người thân thích theo quy định của pháp luật trừ rượu, bia, thuốc lá, các chất kích thích khác, đồ vật và các loại văn hóa phẩm thuộc danh mục cấm. Đối với quà là hàng tươi sống, thực phẩm chế biến không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm thì yêu cầu người thân thích nhận lại; mỗi tháng học sinh được nhận bưu phẩm, bưu kiện 02 lần qua đường bưu điện, mỗi lần không quá 07 kg, nếu gửi 01 lần thì không quá 14 kg; trường hợp bưu phẩm, bưu kiện không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm thì lập biên bản tiêu hủy có sự chứng kiến, chữ ký hoặc điểm chỉ xác nhận của học sinh;

c) Học sinh được nhận thuốc chữa bệnh, thuốc bổ, thực phẩm chức năng khi thăm gặp người thân thích, các loại thuốc, thực phẩm chức năng thì phải có nhãn mác, hàm lượng, công dụng, nơi sản xuất và còn thời hạn sử dụng. Trường giáo dưỡng bố trí tủ riêng để bảo quản, cán bộ y tế có trách nhiệm quản lý tủ thuốc, kiểm tra, hướng dẫn học sinh sử dụng khi có nhu cầu. Khi học sinh ốm, đau có nhu cầu sử dụng thuốc, cán bộ y tế căn cứ vào bệnh lý, phác đồ điều trị để cấp thuốc và hướng dẫn học sinh sử dụng và ghi rõ trong bệnh án: "Thuốc do người thân thích gửi" hoặc ghi vào Sổ theo dõi, học sinh nhận, sử dụng thuốc phải ký tên hoặc điểm chỉ vào bệnh án hoặc Sổ theo dõi. Thuốc chữa bệnh,

thuốc bỏ, thực phẩm chức năng hết hạn phải lập biên bản tiêu hủy có sự chứng kiến, chữ ký hoặc điểm chỉ xác nhận của học sinh.

Khi học sinh chấp hành xong quyết định hoặc điều chuyển nơi khác, cán bộ y tế phải kiểm tra, đối chiếu, trả lại học sinh số thuốc, thực phẩm chức năng chưa sử dụng hết hoặc bàn giao thuốc kèm theo hồ sơ sức khỏe của học sinh.”

Điều 7. Sửa đổi Điều 27 như sau:

“Điều 27. Hồ sơ, thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, Trưởng Công an cấp xã chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực xem xét quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản của Trưởng Công an cấp xã đề nghị Tòa án nhân dân khu vực xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

b) Đối với đối tượng quy định tại Điều 94 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

c) Đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 118 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

d) Đối với đối tượng do cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý vụ vi phạm pháp luật thì tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng nhưng chưa thi hành quyết định mà bỏ trốn, khi truy tìm được mà người đó đủ 18 tuổi trở lên thì cơ quan Công an cấp xã nơi đã lập hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nếu có đủ điều kiện thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản của Trưởng Công an cấp xã đề nghị xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

b) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng trước đó;

c) Quyết định truy tìm;

d) Biên bản giữ người có quyết định truy tìm;

đ) Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính (nếu có);

e) Quyết định đình tìm;

g) Tài liệu về các hành vi vi phạm trong thời gian bỏ trốn (nếu có).

3. Đối với học sinh đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng mà bỏ trốn, khi truy tìm được mà người đó đủ 18 tuổi trở lên thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng đề nghị Tòa án nhân dân khu vực nơi có

trường giáo dục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nếu có đủ điều kiện thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản của Hiệu trưởng trường giáo dục đề nghị Tòa án nhân dân khu vực nơi có trường giáo dục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

b) Hồ sơ tài liệu trong quá trình chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dục;

c) Quyết định truy tìm;

d) Biên bản giữ người có quyết định truy tìm;

đ) Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính (nếu có);

e) Quyết định đình tìm.

4. Việc giao, nhận hồ sơ phải được lập biên bản. Hồ sơ phải được đánh bút lục theo quy định.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung điểm a, d khoản 1; điểm c, khoản 3 Điều 32 như sau:

“1. Chế độ mặc của trại viên trong một năm được cấp:

a) 02 bộ quần, áo dài theo mẫu thống nhất;

d) Đối với trại viên ở các cơ sở giáo dục bắt buộc từ thành phố Đà Nẵng trở ra phía Bắc được cấp 01 áo ấm/năm theo mẫu thống nhất.

3. Ngoài chế độ quy định tại khoản 2 Điều này, trại viên còn được cấp:

c) Đối với trại viên ở cơ sở giáo dục bắt buộc từ thành phố Đà Nẵng trở ra phía Bắc được cấp 01 chăn bông/02 năm có vỏ nặng không quá 02kg”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

“1. Trại viên có thành tích trong rèn luyện, học tập và chấp hành tốt quy định của pháp luật, nội quy cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc lập công thì được khen thưởng bằng một hoặc nhiều hình thức sau đây:

a) Biểu dương; tặng tiền hoặc hiện vật;

b) Tặng số lần và thời gian thăm gặp người thân thích, số lần liên lạc bằng điện thoại hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử và số lần nhận quà hoặc số lượng quà được nhận;

c) Được đề nghị xét giảm hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

2. Trại viên vi phạm nội quy thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật bằng một trong các hình thức:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Cách ly với trại viên khác tại buồng kỷ luật từ 05 đến 10 ngày. Trong thời gian cách ly không được thăm gặp người thân thích.

d) Hạn chế số lần thăm gặp người thân thích, số lần liên lạc bằng điện thoại hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử, số lần và số lượng nhận quà.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 39 như sau:

“1. Chế độ thăm gặp người thân thích

a) Trại viên được thăm gặp người thân thích mỗi tháng 02 lần, mỗi lần không quá 02 giờ tại nhà thăm gặp của cơ sở giáo dục bắt buộc và phải chấp hành đúng quy định về thăm gặp. Trường hợp thăm gặp thêm giờ thì phải được sự đồng ý của Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, nhưng không quá 04 giờ;

b) Trại viên phải có 03 tháng liên tục xếp loại khá, tốt liền kề với thời điểm thăm gặp và có đơn đề nghị thì Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc có thể cho gặp vợ hoặc chồng đến 24 giờ trong một lần và được ở lại qua đêm tại nhà thăm gặp của cơ sở giáo dục bắt buộc. Vợ hoặc chồng đến thăm và được nghỉ qua đêm thì phải có thêm Giấy chứng nhận hoặc trích lục kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân cấp xã thể hiện là vợ hoặc chồng;

c) Thời gian thăm gặp được tổ chức tất cả các ngày trong tuần, ngày nghỉ, ngày lễ, tết. Thời gian tổ chức cho trại viên thăm gặp người thân thích theo thời gian làm việc của cơ sở giáo dục bắt buộc, trường hợp ngoài giờ do Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc quyết định;

d) Đối với người thân thích đến thăm gặp trại viên lần đầu phải có đơn đề nghị thăm gặp, được Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi cư trú xác nhận. Từ các lần gặp sau, người thân thích đến gặp phải là người có tên trong Sổ thăm gặp và xuất trình Căn cước hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc sử dụng ứng dụng VNeID để làm thủ tục. Trường hợp người thân thích đến thăm gặp trại viên không có các giấy tờ nêu trên thì phải có đơn đề nghị có dán ảnh đóng dấu giáp lai được xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập. Cơ sở giáo dục bắt buộc cấp Sổ thăm gặp theo mẫu thống nhất có danh sách của người thân thích trại viên. Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc ký tên, đóng dấu vào Sổ thăm gặp. Sổ thăm gặp phải được Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi cư trú xác nhận lần đầu tiên hoặc khi có sự thay đổi về người thân thích.

Người thân thích đến thăm gặp trại viên phải chấp hành đúng quy định của pháp luật, nội quy nhà thăm gặp và theo sự hướng dẫn của cán bộ cơ sở giáo dục bắt buộc;

đ) Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đến thăm gặp trại viên do Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc quyết định, phải có: Công văn đề nghị của cơ quan, tổ chức hoặc đơn đề nghị của cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc nêu rõ lý do; khi đến thăm gặp phải xuất trình Căn cước hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc sử dụng ứng dụng VNeID để làm thủ tục;

g) Trại viên vi phạm Nội quy cơ sở giáo dục bắt buộc đang bị cách ly tại buồng kỷ luật hoặc trại viên đang trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì không được thăm gặp người thân thích.

2. Chế độ liên lạc

a) Trại viên được gửi thư và nhận thư qua đường bưu chính; thư được kiểm duyệt trước khi nhận, gửi; trại viên không được gửi, nhận thư nếu nội dung không phù hợp, không đúng với thuần phong mỹ tục, không mang tính chất giáo dục;

b) Trại viên được liên lạc với người thân thích bằng điện thoại hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử mỗi tháng 02 lần, mỗi lần không quá 10 phút. Trường hợp trại viên có nhu cầu trao đổi với người thân thích để giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của trại viên hoặc vì công tác giáo dục thì Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc cho tăng thêm số lần, thời gian liên lạc với người thân thích. Trước khi liên lạc với người thân thích, trại viên phải đăng ký theo quy định của cơ sở giáo dục bắt buộc; trường hợp cán bộ cơ sở giáo dục bắt buộc phát hiện nội dung liên lạc không đúng với nội dung đã đăng ký sẽ bị chấm dứt liên lạc;

c) Trại viên vi phạm Nội quy cơ sở giáo dục bắt buộc đang bị cách ly tại buồng kỷ luật hoặc trại viên đang trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì không được liên lạc điện thoại hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử, gửi thư với người thân thích.”

Điều 11. Bổ sung khoản 5 Điều 51 như sau:

“5. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính xây dựng quy chế phối hợp liên ngành trong công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, trại viên.”

Điều 12. Sửa đổi Điều 53 như sau:

“Điều 53. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Bộ Công an xây dựng các nội dung sau:

1. Xây dựng chương trình giáo dục cho trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc; chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, kiểm tra chất lượng học tập, tổ chức thi và cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp tương ứng với chương trình học cho học sinh, trại viên và hỗ trợ sách giáo khoa, tập huấn giáo viên giảng dạy cho trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc; tạo điều kiện cho học sinh khi ra trường được tiếp tục học tập tại nơi cư trú của họ.

2. Xây dựng chương trình giáo dục hướng nghiệp, hướng dẫn tổ chức đào tạo nghề nghiệp và thực hiện các chế độ bảo hiểm lao động cho học sinh, trại viên theo quy định của pháp luật; việc hòa nhập cộng đồng cho học sinh, trại viên.”

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 55 như sau:

“Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Tổng hợp, cân đối, bố trí kinh phí quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; gửi Bộ Công an để theo dõi, thực hiện theo thẩm quyền.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc.”

Điều 14. Bãi bỏ Điều 54.

Điều 15. Bãi bỏ Điều 56.

Điều 16. Bãi bỏ cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” tại khoản 4 Điều 51.

Điều 17. Thay thế một số cụm từ tại một số điều, khoản sau đây:

1. Thay thế cụm từ “Thân nhân” bằng cụm từ “Người thân thích” tại khoản 5, 8 Điều 3, khoản 1 Điều 4, khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 20, khoản 1 Điều 25, khoản 1, 2 Điều 26, khoản 7 Điều 34, khoản 1, 2 Điều 38, khoản 3 Điều 39, khoản 1 Điều 40, Điều 41, khoản 4 Điều 42, khoản 1, 2 Điều 43 và các biểu mẫu trong áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại Điều 58;

2. Thay thế cụm từ “Công an cấp huyện” bằng cụm từ “Công an cấp xã” tại khoản 1 Điều 5, khoản 5 Điều 6, khoản 1 Điều 9, khoản 1, 4 Điều 10, khoản 1, 3, 5, 6 Điều 12, khoản 1, 2, 3 Điều 13, khoản 2 Điều 14, khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 28, khoản 1 Điều 40, khoản 1, 2 Điều 42, khoản 1, 2 Điều 43 và khoản 1 Điều 44 và các biểu mẫu trong áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại Điều 58;

3. Thay thế cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện” bằng cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản trở lên” tại khoản 3, 4 Điều 3, khoản 3 Điều 12, khoản 1 Điều 14, khoản 1, 3, 4, 5 Điều 15, khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 28, khoản 1, 3, 4, 5 Điều 29, khoản 4, 7 Điều 34 và khoản 1 Điều 40;

4. Thay thế cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực” tại Điều 5, khoản 5 Điều 6, khoản 3, 4, 6 Điều 12, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 28, Điều 29, khoản 1 Điều 40, khoản 1, 2 Điều 42 và khoản 1, 2 Điều 43 và các biểu mẫu trong áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại Điều 58;

5. Thay thế cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Sở Giáo dục và Đào tạo” tại khoản 1 Điều 20;

6. Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Bộ Giáo dục và Đào tạo” tại khoản 2 Điều 20 và khoản 3 Điều 36;

7. Thay thế cụm từ “Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Viện kiểm sát nhân dân khu vực” tại khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 40.

8. Thay thế cụm từ “Chứng minh nhân dân” bằng cụm từ “Căn cước” ở các biểu mẫu trong áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại Điều 58.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2). 70

